

BÍ TÍCH THÁNH THỂ TRONG BỐI CẢNH LỄ VƯỢT QUA DO THÁI

Chúa Kitô đã thiết lập Bí tích Thánh Thể trong bữa tiệc ly với các tông đồ vào đêm trước khi Người chịu chết. Bữa tiệc ly này diễn ra trong bối cảnh lễ Vượt Qua của người Do Thái. Do đó, việc thiết lập Bí tích Thánh Thể và các trình thuật khác nhau trong Tân Ước về bí tích này, không thể hiểu đầy đủ, theo ý nghĩa sâu xa của chúng, nếu không xét đến lễ Vượt Qua thường lệ vào thời Chúa Giêsu, về nguồn gốc, lịch sử và ý nghĩa của nó trong đời sống người Do Thái.

1. Nguồn gốc, hình thức và cấu trúc

Ban đầu, lễ Vượt Qua là một ngày lễ gia đình, được tổ chức vào ban đêm, trong ngày trăng tròn tiết xuân phân, vào ngày 14 tháng Abid (sau thời lưu đày được gọi là Nisan)[1]. Một con vật còn non không quá một tuổi được tiến dâng cho Đức Chúa để xin phúc lành của Ngài xuống cho cả đàn vật. Con vật ấy, có thể là con chiên hay dê đực, lành lặn (Xh 12,3-6), không bị gãy xương (12,46; Ds 9,12), sát tế vào lúc xế chiều, lấy máu bôi lên khung cửa, còn thịt sẽ ăn ngay đêm ấy, nướng lên, ăn với bánh không men và rau đắng (Xh 12,6-8). Đặc tính du mục này gợi ý cho chúng ta về nguồn gốc cổ xưa nhất của lễ Vượt Qua, đó có thể là lễ hằng năm nơi những người du mục để tạ ơn đã ban cho đàn vật đông đúc, hoặc là lễ mà dân Do Thái xin vua Pharaô vào sa mạc để cử hành (Xh 3,18; 5,1tt). Tuy nhiên, chính cuộc xuất Ai Cập đã mang lại ý nghĩa quyết định cho ngày lễ, vì đây là sự kiện quan trọng nhất xảy ra vào mùa xuân khi Đức Chúa giải thoát dân Israel ra khỏi Ai Cập, nhờ một loạt biện pháp can thiệp, nhất là tai ương thứ mười, tiêu diệt các con đầu lòng (Xh 11,5; 12,12.29tt)[2]. Đây là một cử hành vô cùng quan trọng đối với người Do Thái, bởi vì nó gắn liền với sự kiện cứu độ. Thực vậy, đó là việc tưởng nhớ cuộc xuất hành, tức là sự kiện người Do Thái thoát khỏi ách nô lệ Ai Cập đến tự do. Sự kiện này là mắt xích đầu tiên trong chuỗi các sự kiện liên tục tiếp nối, qua đó người Do Thái được dẫn dắt bởi bàn tay uy quyền của Thiên Chúa, để hợp nhất họ thành một dân tộc, qua đó thiết lập giao ước với Ngài. Đây là sự can thiệp đầu tiên, qua đó Thiên Chúa mạc khải chính mình và kế hoạch cứu độ của Ngài. Do đó, lễ Vượt Qua là một sự kiện trọng đại, cần phải được người Do Thái cử hành từ thế hệ này sang thế hệ khác (Xh 12,14).

Nguồn gốc và sự phát triển lễ Vượt Qua là một chủ đề rất phức tạp, do sự phân tầng và thay đổi ý nghĩa khác nhau mà nó đã trải qua suốt bao thế kỷ, dẫn đến những khác biệt trong cách thức và ý nghĩa vào thời Chúa Giêsu. Theo nhiều học giả, nguồn gốc xa xưa nhất của lễ Vượt Qua là lễ kỷ niệm đánh dấu sự khởi đầu năm mới, được tổ chức trong mỗi gia đình và gắn liền với sự hồi sinh của thiên nhiên vào mùa xuân sau thời gian ngủ đông. Thực ra, trong các nền văn hoá, lễ kỷ niệm này được thực hiện rộng rãi, vì mùa xuân là thời kỳ đặc quyền của lễ hội. Những phân tích về cấu trúc lễ Vượt Qua cho thấy hai thành phần cần được xem xét: một thành phần liên quan đến hoạt động chăn nuôi (cừu, chiên hiến tế, máu trên khung cửa, hành trình di cư) và một thành phần khác dựa trên nông nghiệp với những người nông dân (các loại rau củ quả, bánh không men). Hai truyền thống này đã được hợp nhất nên một từ rất xa xưa. Như vậy, lễ Vượt Qua ban đầu là kết quả của sự kết hợp hai yếu tố có nguồn gốc khác nhau, sau đó hợp nhất lại thành một lễ duy nhất: lễ sát tế chiên vào ban đêm (*pesach*) thuộc truyền thống du mục và lễ bánh không men (*matzot*) thuộc truyền thống nông nghiệp.

Nghi lễ tế cừu, diễn ra vào mùa xuân, có nguồn gốc nơi các tôn giáo Sêmit khác, từ một truyền thống cổ xưa, theo đó những người chăn cừu ăn mừng năm mới vào tháng Nisan, vào đêm trước khi họ cùng đàn cừu ra đồng cỏ mùa hè. Vào thời cổ đại, người Cận Đông đã thực hành nhiều nghi lễ nông nghiệp khác nhau, chẳng hạn như dâng hoa quả đầu mùa và gia súc đầu lòng. Những nghi lễ này, gắn liền với chu kỳ các mùa, nhằm chào đón mùa xuân và sự sinh sôi nảy nở đàn gia súc. Thật vậy, vào mùa xuân, những người chăn cừu sẽ cùng đàn gia súc di chuyển đến những đồng cỏ mới, và trong dịp này, họ sẽ hiến tế một con cừu non để xin thần linh ban cho đàn gia súc khoẻ mạnh và phong nhiêu. Nghi lễ như sau: những con cừu đầu lòng trong đàn bị giết;

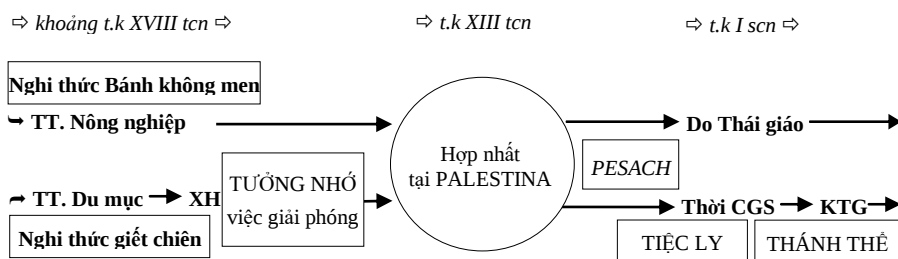
máu của chúng được dùng cho mục đích xua đuổi tà ma và cầu an, bảo vệ người chăn cừu và đàn cừu khỏi các thế lực đen tối và bảo đảm khả năng sinh sôi nảy nở; mặt khác, thịt của chúng được dùng trong các bữa ăn nghi lễ để củng cố mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình hoặc bộ tộc[3].

Nghi lễ và lễ hội này đã trải qua một sự thay đổi sâu xa về ý nghĩa, vì theo thời gian, nó ám chỉ việc giải phóng người Israel khỏi ách nô lệ Ai Cập. Chính tên gọi ngày lễ *pesach*, từ rất xa xưa, nó ám chỉ điệu vũ, điệu nhảy thánh thiêng trong ngày lễ, nay mang ý nghĩa mới: Đức Chúa “nhảy qua”, “băng qua”[4] các nhà của người Do Thái, cứu họ khỏi hủy diệt (*Xh* 12,13); máu bôi lên khung cửa hoặc trên cột lều mang ý nghĩa Đức Chúa đã tha cho họ khi Ngài đánh bại người Ai Cập (27); rau đắng, trước đây được dùng trong bữa ăn đêm của người du mục, nay tượng trưng cho nỗi đắng cay khi làm nô lệ; bánh không men gợi nhớ bánh cực khổ thời nô lệ (*Dnl* 16,3), cùng với sự vội vã khi xuất Ai Cập, chưa kịp dậy men (*Xh* 12,39; 13,3-8). Cuối cùng, nghi lễ sát tế chiên được cử hành vào mùa xuân, vì cuộc xuất hành diễn ra vào đầu mùa ấy và thực hiện ban đêm vì sự kiện diễn ra vào đêm trăng tròn (*Dnl* 16,1).

Về nghi lễ nông nghiệp, bánh không men hay *matzot* (Hag ha Matzot), cũng là một nghi lễ mùa xuân. Lễ này không có ngày cố định mà phụ thuộc vào tình hình mùa màng, kéo dài cả tuần. Mục đích của nghi lễ nông nghiệp này là mừng đầu mùa gặt, được coi là thánh thiêng. Nét đặc trưng của lễ hội *matzot* là nghi lễ dâng bó lúa đầu tiên lên đền thờ, biến nó thành lễ hội hành hương. Giống như lễ *pesach*, lễ *matzot* đã trải qua một sự chuyển đổi ý nghĩa thực sự. Ban đầu lễ này có mục đích xua trừ ma quỷ và cầu an, giống nghi lễ chiêm, nhưng sau đó được liên kết với cuộc xuất hành, nên ý nghĩa ban đầu đã bị thay đổi và được liên kết với lễ Vượt Qua và cử hành ngay sau đó, tức là từ ngày 15-21 tháng Nisan. Ý nghĩa sâu xa của ngày lễ được tăng cường trong các giai đoạn quan trọng của lịch sử Israel, đó là giao ước Sinai và việc tiến vào đất Canaan, cuộc cải cách dưới thời Êdekiel vào khoảng năm 716 và của Giôsia vào khoảng năm 622, sự phục hồi sau thời kỳ lưu đày năm 515[5].

Hai nghi lễ trên đều cử hành vào tháng đầu tiên mùa xuân, do đó mang nội dung và ý nghĩa giống hệt nhau liên quan đến cuộc xuất hành. Điều này giải thích tại sao chúng hợp nhất với nhau tạo nên một lễ hội duy nhất tưởng niệm cuộc giải phóng thoát ách nô lệ Ai Cập. Không thể xác định chính xác thời điểm quá trình hợp nhất hai lễ này, nhưng nó được chứng thực trong thời kỳ lưu đày. Trong thời hậu lưu đày, các thuật ngữ *pesach* và *matzot* được sử dụng thay thế nhau để chỉ một lễ kỷ niệm duy nhất. Điều này tiếp tục cho đến thời Tân Ước, khi các thuật ngữ lễ Vượt Qua và lễ Không men được sử dụng để chỉ một thể chế phụng tự duy nhất.

SƠ ĐỒ NGUỒN GỐC LỄ VƯỢT QUA



Thứ đến, liên quan đến *hình thức* cử hành lễ Vượt Qua, có thể phân biệt ba loại hình cử hành, tương ứng với ba giai đoạn lịch sử. Thực vậy, ban đầu lễ này mang tính chất gia đình rõ rệt, nghĩa là được tổ chức tại các gia đình, được mô tả trong sách *Xh* 12-13. Sau đó, theo chỉ dẫn sách *Dnl*, với việc tập trung với nhau để thờ phượng, nên việc cử hành được chuyển đến Đền thờ Giêrusalem, làm mất tính chất gia đình và trở nên một lễ hội phổ biến mang tính dân tộc. Vào thời kỳ hậu lưu đày, hai hình thức trước đây được hợp nhất nên một. Con chiên được hiến tế trong đền thờ, lấy máu đổ lên bàn thờ trong khi hát bài *Hallel* (*Tv* 113-115). Tuy nhiên, thịt chiên đưa về gia đình để mừng lễ. Vào cuối thời kỳ Do Thái giáo, gia đình được thay thế bằng một cộng đồng, ít nhất mười người, tụ tập cùng nhau ăn thịt chiên vượt qua. Hình thức cuối cùng này,

như được ghi lại trong Tân Ước, là hình thức xuất hiện vào thời Chúa Giêsu và do đó là hình thức mà Người đã dùng bữa tiệc ly với các môn đệ trước khi về với Chúa Cha.

Cuối cùng, về *cấu trúc* cử hành lễ Vượt Qua, theo phong tục cổ xưa, có thể mô tả như sau: Sau khi khách đã ngồi vào chỗ, chén rượu đầu tiên được rót, mỗi người một chén, cùng với lời chúc tụng đầu tiên được thực hiện. Mọi người uống chén đầu. Tiếp theo là món khai vị gồm các loại rau đắng. Sau đó, chén thứ hai được rót và chuyền tay nhau, trong khi chủ nhà giải thích ý nghĩa của buổi lễ, nhắc lại câu chuyện vượt qua, dựa trên sách *Đnl* 26,5-11. Lời tường niệm đề cập đến ít nhất ý nghĩa của *Pesach*, *Matzot* và *marror* (*Xh* 12,8; *Ds* 9,11). Tiếp theo đọc phần đầu kinh *Hallel* (*Tv* 113). Sau đó, bữa tiệc chính thức bắt đầu. Chủ nhà bẻ bánh và mời mọi người cùng ăn với rau đắng chấm nước xốt. Sau đó, ăn thịt chiên nướng. Tiếp theo, chén thứ ba được mang đến. Vì lời chúc tụng và tạ ơn được dâng lên, nên chén này được gọi là chén chúc tụng. Sau khi dọn dẹp phần còn lại trong khi chén thứ tư được mang đến. Với phần thứ hai của bài ca *tiểu Hallel* (*Tv* 115-118), bữa tiệc kết thúc.

2. Cử hành

Để hiểu tương quan mật thiết giữa lễ Vượt Qua và Bí tích Thánh Thể, cần phải xem việc cử hành lễ Vượt Qua vào thời Chúa Giêsu được diễn ra thế nào. Thực vậy, vào những ngày trước lễ Vượt Qua, các gia đình Do Thái chuẩn bị cho việc lên Giêrusalem. Họ mang theo chiên cừu đi theo để làm lễ vật. Vào buổi sáng của đêm canh thức, họ có mặt tại đền thờ. Chủ gia đình đem thịt cừu và tiết được đựng trong một chiếc chén bằng vàng cho vị tư tế. Vị tư tế sẽ lấy một nhánh hương thảo, chấm vào chén đựng tiết và rảy lên các thành viên gia đình, phần còn lại thì đổ trên bàn thờ, biểu tượng giao ước bằng máu giữa Đức Chúa và các thành viên trong gia đình. Sau đó, chủ nhà sẽ lột da cừu để chuẩn bị nướng. Vào buổi chiều, cả gia đình đến trọ tại một gia đình họ hàng nào đó, hoặc người quen biết, hoặc đi mướn phòng (giá thuê là tất cả da cừu vừa giết). Tại đó, họ chuẩn bị tất cả những gì cần thiết cho bữa tối diễn ra nghi thức *Seder*. Khi chiều buông xuống, người mẹ trong gia đình thắp đèn nến, hương hoa và bữa tối thực sự bắt đầu[6]. Thực vậy, để chuẩn bị cho nghi thức *Seder*, vào đêm hôm trước, ngay sau khi mặt trời lặn, kiểm tra kỹ lưỡng nhà cửa nhằm loại bỏ mọi dấu vết của chất men. Men (*chamets*) rất giống với *chamas*, nghĩa là “bạo lực”, cần phải loại bỏ dưới mọi hình thức. *Matzot*, bánh không men, tượng trưng cho thực phẩm tự nhiên, nguyên tuyền, tinh khiết, nguyên vẹn, chưa bị hỏng, ám chỉ thân phận con người đã ra hư hỏng, nay phải trở về với tình trạng thuần khiết ban đầu. Tất cả những điều này cần phải thực hiện để chuẩn bị cho nghi thức *seder*.

Lễ Vượt Qua là trung tâm kinh nghiệm Thánh Kinh và đức tin Do Thái vì nó gắn liền với sự kiện khai sinh dân Chúa: cuộc xuất Ai Cập và sự kiện cứu độ, giải phóng. Thuật ngữ *haggadah* có nghĩa là tường thuật, nó được sử dụng để chỉ bản văn tường thuật nền tảng của lễ Vượt Qua, kể lại câu chuyện xuất hành với những nét chính yếu, từ đó rút ra một cơ hội để tưởng nhớ tình yêu cứu độ, những điều vĩ đại mà Đức Chúa dành cho dân, để ngợi khen và cảm tạ, đồng thời mong đợi Ngài tiếp tục yêu thương trong hiện tại và tương lai. *Haggadah* là bản văn quan trọng nhất của lễ Vượt Qua, dựa trên lời Thánh Kinh về việc kể cho con cháu nghe sự can thiệp của Đức Chúa để giải phóng dân (*Đnl* 6,20). Bản văn *Haggadah* ngày nay có thể có từ thế kỷ VIII SCN, nhưng chứa đựng những nghi lễ và lời nguyện có từ rất xa xưa (những nghi lễ chính được tìm thấy trong các văn bản viết từ thế kỷ II SCN), xuất phát từ những truyền thống truyền khẩu khác nhau, bao gồm một số yếu tố cố định và một số yếu tố thay đổi, tùy hoàn cảnh, được dần hoàn chỉnh và được chú giải từ thế hệ này sang thế hệ khác, cho đến tận ngày nay. Nó còn được gọi là *seder* (thứ tự, tuần tự).

Các nguyên liệu được sử dụng trong đĩa *seder* bao gồm: - Bánh không men, làm từ bột mì và nước, biểu tượng sự yếu đuối, nghèo khổ và bất lực, gợi nhớ hoàn cảnh nô lệ bên Ai Cập. Đây cũng là lời mời gọi sống khiêm nhường trước mặt Chúa, bởi vì men làm cho bột nở ra, cũng như lòng kiêu ngạo phình ra nơi tâm hồn. Ba chiếc bánh *matzot*: miếng trên, tượng trưng cho hàng tư tế; miếng giữa, tượng trưng hàng Lêvi; miếng dưới, tượng trưng cho dân Israel nói chung. - Thịt chiên/cừu nướng, tưởng nhớ hy tế vượt qua, nay không còn, vì đền thờ bị phá hủy. Để tưởng nhớ con chiên

vượt qua, một chiếc cẳng chân nướng đặt trên bàn, tượng trưng cánh tay Chúa đưa dân ra khỏi Ai Cập (*Đnl* 26,8). - Trứng, tượng nhớ lễ vật dâng lên trong mỗi ngày lễ, biểu tượng cho sự sống vĩnh cửu. - Rau đắng, biểu tượng cho cuộc sống khó khăn của người Do Thái cho đến khi được giải phóng. - *Haroset*/nước xốt, món trộn bao gồm táo, hạnh đào, gia vị..., gọi nhớ đến hồ và vữa mà người Do Thái phải chuẩn bị ở Ai Cập. - Giấm hoặc nước chanh, tượng trưng sự cay đắng của chế độ nô lệ; - Rượu, tượng trưng niềm vui ơn cứu độ. Bốn chén rượu tượng trưng bốn thuật ngữ: “Ta sẽ đem các ngươi ra, Ta sẽ cứu các ngươi, Ta sẽ giải thoát các ngươi, Ta sẽ nhận các ngươi” (*Xh* 6,6-7). Việc nâng chén rượu là dấu chỉ chúc tụng và tạ ơn. Chén chúc lành (bắt đầu nghi thức), chén tai hoạ (mười tai hoạ của Ai Cập), chén cứu độ (chúc tụng, máu chiên cứu chuộc dân Do Thái), chén ngợi khen (kết thúc). Cũng có phong tục đặt thêm chén thứ năm, nhưng không bắt buộc, gọi là chén Êlia, người con trai út sẽ ra ngoài vào cuối bữa để xem Êlia có đến không (*Ml* 3,23).

Toàn bộ nghi lễ *seder* giàu ý nghĩa và tràn ngập những khoảnh khắc tôn giáo sâu sắc. Các món ăn, cử chỉ và lời nói gọi lên những biểu tượng và kỷ niệm thân thương đối với những người tham dự. Có thể kể đến một số khoảnh khắc nổi bật, như khi em nhỏ nhất đặt câu hỏi, khiến mọi người cảm thấy mình là người tham dự tích cực vào nghi lễ; câu trả lời là toàn bộ câu chuyện *haggadah*; bữa tối thân thiện đón tiếp các thực khách; những lời cầu nguyện, thánh thi chúc tụng, tạ ơn... Trong bữa tiệc còn có cây đèn bảy ngọn-*menorah*, biểu tượng lâu đời trong truyền thống Do Thái, tượng trưng cho bụi gai cháy trong trình thuật Chúa gọi Môsê (*Xh* 3,1-6). Mũ *kippah*, dấu chỉ sự tôn kính đối với Chúa và bốn người con đặt ra những câu hỏi khác nhau đại diện cho các thực khách đối diện với vấn đề tôn giáo.

Có thể nói, Chúa Giêsu trong bữa tiệc ly với các môn đệ đã sử dụng cấu trúc *seder/haggadah* này với những hệ thống phức tạp trong các hành động, lời nói và cử chỉ của bữa tiệc Vượt Qua Do Thái. Chúng ta cố gắng trình bày những nét chính của bữa tiệc, được sử dụng vào thời Chúa Giêsu, chia thành bốn phần, tương ứng với bốn chén rượu được rót trong bữa tiệc[7].

PHẦN THỨ NHẤT: NGHI THỨC MỞ ĐẦU

[Phần này bao gồm: * nghi thức làm phép (chúc lành cho ngày lễ. Chủ tiệc hay người cha gia đình chúc lành trên chén rượu đầu tiên hay là chén *quiddus*-thánh hiến); * món khai vị bao gồm các loại rau xanh, rau đắng, mứt trái cây][8].

1. QADDESH (thánh hoá)

[Rót chén thứ nhất cho chủ nhà và đọc lời *quiddus* trên chén: “Chúc tụng Chúa, lạy Chúa là Thiên Chúa chúng con, Vua vũ trụ, Chúa đã tạo nên những trái nho...”. Ngả người uống chén thứ nhất].

2. URCHATZ (thanh tẩy/rửa tay)

3. KARPAS (cần tây/mùi tây)

[Chủ nhà lấy ít cần tây hoặc rau gì khác, nhúng vào giấm hoặc nước muối, rồi đọc lời chúc phúc: “Chúc tụng Chúa, lạy Chúa là Thiên Chúa chúng con, Vua vũ trụ, Chúa đã tạo nên hoa màu ruộng đất”. Chủ nhà ăn miếng lớn, bằng quả ôliu, rồi phân phát cho những người đồng bàn, họ ăn và đọc lời tương tự].

4. YACHATZ (chia)

[Bẻ đôi chiếc bánh không men ở giữa và giấu một nửa giữa khăn trải bàn, trong khi nửa còn lại đặt giữa hai chiếc bánh còn nguyên. Phần nửa bánh giấu đi gọi là *epiqomon* dành riêng cho tất cả thực khách khi kết thúc bữa ăn, để thay thế và tượng trưng cho việc ăn thịt chiên. Sau khi đèn thờ bị phá huỷ, phần này không còn nữa. Việc chuẩn bị *epiqomon* hay bánh không men thay thế, diễn ra ở cuối phần nhập tiệc. Khi đèn thờ chưa bị phá huỷ, chiên vượt qua, chưa chặt thành từng miếng, được mang đến trước mặt chủ tiệc. Bữa ăn cần có ba ổ bánh chồng lên nhau: ổ trên cùng, sẽ được bẻ ra chia cho mọi người cùng với nửa còn lại của ổ thứ hai (7); ổ thứ hai chia đôi như vừa nói; ổ dưới cùng sẽ được bẻ ra và gói với rau đắng, chấm với nước xốt-*haroset* để ăn (9)].

PHẦN THỨ HAI: TUYÊN BỐ VÀ TIỆC

[Phần này bao gồm: * dọn đồ ăn nhưng chưa ăn; rót chén thứ hai nhưng chưa uống; * *haggadah* Vượt Qua của chủ nhà; * phần đầu kinh *Hallel*; * uống chén thứ hai (chén *Haggadah*) * lời nguyện của chủ tiệc trên bánh không men; * bữa ăn gồm thịt chiên, bánh không men và rau đắng (*Xh* 12,8), tiếp theo là nước trái cây và rượu].

5. MAGGID (tường thuật)

[Mục đích của *Haggadah* là thuật lại các sự kiện lịch sử cuộc xuất hành, áp dụng vào những kinh nghiệm cá nhân, vì mỗi người Do Thái phải hình dung như mình đang tham gia vào cuộc xuất hành. Trong mỗi thế hệ, một người Do Thái có nghĩa vụ phải nghĩ mình rời Ai Cập. *Haggadah* là cuốn sách chứa đựng niềm hy vọng cho những ai chưa được tự do, còn đang phân tán, sẽ gặp nhau tại đất mẹ Israel. *Haggadah* bao gồm một số bộ bốn: bốn chén rượu, bốn câu hỏi của người con trai út, bốn người con, bốn biểu hiện của sự cứu chuộc (*Xh* 6,6-7) và bốn loại thức ăn đặc biệt (đùi chiên, bánh không men, rau đắng và *haroset*)].

[Rót ly rượu thứ hai, chủ tiệc nâng khay bánh lên và nói:]

5.1 lời mở đầu “Đây là bánh khốn khổ...”

“Đây là bánh khốn khổ, tổ tiên chúng ta đã ăn ở đất Ai Cập; ai đói hãy đến ăn; ai túng thiếu, hãy đến mừng lễ Vượt Qua. Năm nay, tại đây; năm sau trên đất Israel. Năm nay như những nô lệ; sang năm như những con cái tự do”.

[Lời giới thiệu trang trọng khẳng định sự đồng nhất giữa bánh không men mà chủ tiệc cầm trên tay và bánh mà tổ tiên đã ăn tại Ai Cập. Bỏ qua sự khác biệt rõ ràng về không gian-thời gian, lời giới thiệu khẳng định trên bình diện thần học, là cùng một loại bánh (*Đnl* 16,3). Hơn nữa, lời giới thiệu nhấn mạnh rằng lễ Vượt Qua, mặc dù được cử hành thân mật trong gia đình, nhưng nó là bữa tiệc công khai, như lễ tưởng niệm của tất cả những người “khốn khổ của Chúa”, những người đã được ơn tự do về mặt cánh chung].

5.2 những câu hỏi của người con

“Tại sao đêm nay lại khác với mọi đêm? Vì mỗi đêm chúng ta ăn bánh có men và không men; đêm nay toàn là bánh không men! Vì mỗi đêm chúng ta ăn rau khác; đêm nay toàn rau đắng! Vì mỗi đêm chúng ta chẳng nhúng dù chỉ một lần; đêm nay nhúng hai lần! Vì mỗi đêm chúng ta ăn lúc ngồi lúc nằm; đêm nay chúng ta nằm ăn!”

[câu hỏi mang tính nghi lễ cho thấy tầm quan trọng sự hiện diện của trẻ em, mang thông điệp cứu rỗi, được truyền từ đời này sang đời khác, theo quy định *Xh* 13,14].

5.3 câu trả lời thứ nhất

“Chúng ta là nô lệ của Pharaô bên Ai Cập và Đức Chúa đã đưa ra khỏi đó nhờ bàn tay quyền năng và cánh tay đang rộng (cf. *Đnl* 6,21). Và nếu Đấng Thánh -Đấng đáng chúc tụng- không đưa tổ tiên chúng ta ra khỏi Ai Cập, thì chúng ta, con cháu chúng ta, cháu chắt chúng ta, vẫn sẽ là nô lệ của Pharaô ở Ai Cập. Và dù tất cả chúng ta đều khôn ngoan, thông minh, am hiểu lề luật, thì mệnh lệnh kể lại câu chuyện xuất hành vẫn còn hiệu lực; và bất cứ ai kể lại câu chuyện xuất Ai Cập đều đáng được ngợi khen”.

5.4 những dẫn chứng về thời điểm *Haggadah* “...suốt đêm”

[Dựa trực tiếp vào đoạn văn trên, nhắc lại nghĩa vụ phải kể lại câu chuyện Vượt Qua. Hai đoạn văn với hai câu chuyện ngắn xen vào đây để minh họa cho việc cử hành lễ vào ban đêm].

5.5 những cách giải thích cho người tham dự *Haggadah*

[Kinh *Torah* nói về bốn người con: người khôn, kẻ xấu, người đơn sơ, kẻ chưa nắm vững. Người khôn hỏi: “Vì sao có các thánh ý, thánh chỉ, quyết định mà Đức Chúa, Thiên Chúa chúng ta, đã truyền cho quý vị?” (*Đnl* 6,20). Kẻ xấu hỏi “Nghi lễ này có ý nghĩa gì đối với quý vị?” (*Xh* 12,26). Người đơn sơ: “Điều đó nghĩa là gì?” (*Xh* 13,14). Đối với người chưa nắm vững, người hãy giải thích cho rõ. Chủ tiệc/người cha gia đình/chủ nhà sẽ lần lượt trả lời, giải thích và nhắc nhở, dựa trên *Xh* 13,14: “Đức Chúa đã dùng cánh tay mạnh mẽ của Người mà đưa chúng ta ra khỏi Ai Cập, khỏi cảnh nô lệ” và *Đnl* 6,21: “Chúng ta xưa làm nô lệ cho Pharaô bên Ai Cập, nhưng Đức Chúa đã ra tay uy quyền đưa chúng ta ra khỏi đó”. Đây là đường lối sư phạm, giúp các thế hệ kế tiếp duy trì truyền thống].

5.6 câu trả lời thứ hai “thuở xưa, tổ tiên chúng ta đã thờ các thần ngoại bang; nhưng giờ đây, Chúa đã đưa chúng ta...”

[Trích Gs 24,2-4: “Thuở xưa, khi còn ở bên kia sông Cả, cha ông các ngươi, cho đến Terach là cha của Abraham và của Nacor, đã phụng thờ các thần khác... Còn Giacóp và các con thì xuống Ai Cập”. Lời tiên bao Đức Chúa đã nói với Abraham trước rất lâu biến cố xuất Ai Cập: “Dòng dõi ngươi sẽ trú ngụ trong một đất không phải của chúng. Chúng sẽ làm tôi người ta và người ta sẽ hành hạ chúng bốn trăm năm. Nhưng Ta sẽ xét xử dân tộc chúng phải làm tôi, và sau đó chúng sẽ ra đi với nhiều tài sản” (St 15,13-14)].

5.7 *midras*-giải thích “Người Aram muốn giết cha tôi...”

[Đọc và giải thích *Dnl* 26,5-8].

5.8 phần bổ sung cho *midras* (ba cách giải thích của các rabbi về số lượng các tai họa mà Chúa giáng xuống người Ai Cập và điệp khúc “*Dayenu-Như thế là đủ cho chúng ta*”)

5.9 lời dạy của Rabban Gamaliel

[Với giáo huấn của Gamaliel, động lực tái hiện lễ vượt qua đạt đến đỉnh cao rõ ràng. Dù nhân vật này là Gamaliel I, cháu của Hillèl và là thầy của Phaolô (cf. Cv 22,3), hay Gamaliel II (cũng được gọi là Gamaliel Yavne), cháu của Gamaliel I, nhà lãnh đạo tinh thần Do Thái từ năm 80-110scn, thì bản văn này vẫn thuộc về một thời cổ đại đáng kính. Thậm chí, đây không phải là một sản phẩm của Gamaliel, bất kể ông là ai, mà là một giáo huấn truyền khẩu được ông tiếp nhận, trau chuốt trong cách diễn đạt và sau đó được truyền lại một cách trung thành].

5.9.1 lời dạy tiêu cực

“Rabban Gamaliel từng nói: Ai không nói ba từ này trong lễ Vượt Qua thì chưa làm tròn bổn phận của mình, đó là: vượt qua, bánh không men và rau đắng”.

[hướng về đùi chiên, nhưng không nâng lên].

“Lễ Vượt Qua mà tổ tiên chúng ta đã ăn, khi đền thờ còn đứng vững, tại sao họ ăn? Vì Đấng Thánh - Đấng đáng chúc tụng- đã vượt qua các nhà tổ tiên chúng ta tại Ai Cập, như có lời chép: ‘Đó là lễ tế Vượt Qua mừng Đức Chúa, Đấng đã vượt qua các nhà của con cái Israel tại Ai Cập, khi Người đánh phạt Ai Cập và cho các nhà chúng ta thoát nạn’ (Xh 12,27)”.

[nâng bánh không men lên]

“Bánh không men mà chúng ta ăn, tại sao ăn? Bởi vì bột bánh của tổ tiên chúng ta chưa dậy men, thì Vua các vua, Đấng Thánh -Đấng đáng chúc tụng- đã mạc khải cho họ và làm cho họ, như có lời chép: ‘Họ lấy bột đã nhào đưa từ Ai Cập ra mà nướng thành bánh không men, vì bột chưa dậy men; họ bị trục xuất khỏi Ai Cập, không được chậm trễ, nên ngay cả lương thực cũng không kịp chuẩn bị’ (Xh 12,39)”.

[nâng rau đắng lên]

“Rau đắng mà chúng ta ăn, tại sao ăn? Bởi vì người Ai Cập đã khiến cuộc sống của tổ tiên chúng ta trở nên cay đắng, như đã chép: ‘Chúng làm cho đời sống họ ra cay đắng vì phải lao động cực nhọc: phải trộn hồ làm gạch, phải làm đủ thứ công việc đồng áng; tóm lại, tất cả những việc lao động cực nhọc, chúng đều cưỡng bách họ làm’ (Xh 1,14).

[Khi nhắc lại lời dạy của Rabban Gamaliel, chủ tiệc lặp lại điều ông đã tuyên bố trong phần mở đầu bằng tiếng Aram: “Đây là bánh khốn khổ, tổ tiên chúng ta đã ăn ở đất Ai Cập; ai đói hãy đến ăn”. Câu này thường được giải thích như sau: bánh đang cầm đây, chính là bánh xưa bên Ai Cập. Ăn bánh này là chia sẻ nỗi thống khổ xưa, và giờ đây ăn bánh này lại làm cho nên giàu có. Tương tự như thế, diễn giải về chiên: con chiên này chính là con chiên độc nhất vô nhị và không thể lặp lại. Tham dự vào đó tức là tham dự vào cái chết duy nhất mang lại sự sống cho chúng ta một lần và mãi mãi. Sau nữa, rau đắng đây chính là nỗi cay đắng của tổ tiên chúng ta. Nếm thử nỗi cay đắng này là thông phần vào nỗi cay đắng độc nhất đã mang lại cho chúng ta, một lần và mãi mãi, sự ngọt ngào của Chúa. Những ý nghĩa sâu xa này sẽ dẫn chúng ta đến với những lời thiết lập bí tích của Chúa Giêsu trong bữa tiệc ly và Giáo Hội lặp lại trong mỗi lần cử hành Thánh Thể].

5.9.2 lời dạy tích cực

“Trong mỗi thế hệ, mọi người phải coi mình như đã ra khỏi Ai Cập, như đã nói: ‘Trong ngày ấy, ngươi sẽ kể lại cho con của ngươi rằng: Sở dĩ như vậy là vì những gì Đức Chúa đã làm cho cha khi cha ra khỏi Ai Cập’ (Xh 13,8). Đấng Thánh không những đã cứu cha ông chúng ta, mà Người còn cứu cả chúng ta cùng với các ngài, như đã chép: ‘Còn chúng ta, Người đã đưa ra khỏi đó, để dẫn chúng ta vào và ban cho chúng ta đất Người đã thề hứa với cha ông chúng ta’ (Dnl 6,23)”.

[nâng chén]

“Vì thế, chúng ta có bổn phận phải tuyên xưng, ngợi khen, tán dương, vinh danh, suy tôn, tôn kính, chúc tụng, tán dương và ngợi ca Đấng đã làm tắt những những đầu lạ điếm thiêng cho tổ tiên chúng ta và cho chúng ta: Người đã đưa chúng ta ra khỏi cảnh nô lệ đền tự do, từ buồn phiền đến hân hoan, từ tang tóc đến ngày lễ, từ bóng tối đến ánh sáng huy hoàng, và từ cảnh nô lệ đến ơn cứu chuộc. Và chúng ta thưa với Người bài ca mới: ‘Hỡi tôi tớ Chúa, hãy dâng lời ca ngợi!’ (Tv 113,1)”.

5.10 đoạn đầu kinh *Hallel* (Tv 113-114)

“Hỡi tôi tớ Chúa, hãy dâng lời ca ngợi...” (Tv 113)

“Thuở Israel khỏi Ai Cập...” (Tv 114)

5.11 lời chúc cứu độ

[nâng chén đọc lời chúc tụng]

“Chúc tụng Chúa, lạy Chúa là Thiên Chúa chúng con, Vua vũ trụ, Đấng đã cứu chuộc chúng con và tổ tiên chúng con ra khỏi Ai Cập, và đã đưa chúng con đến đêm nay, để ăn bánh không men và rau đắng. Vì vậy, lạy Chúa là Thiên Chúa chúng con và của tổ tiên chúng con, xin đưa chúng con đến các buổi tụ họp và những cuộc hành hương để chúng con họp nhau trong bình an, vui mừng vì thành đô Chúa được tái thiết và hân hoan phụng sự Chúa; và tại đó, chúng con sẽ ăn các hy tế và chiên vượt qua, máu của chúng con sẽ chạm vào tường bàn thờ Chúa để được đoái nhận; và chúng con sẽ thú tội với Chúa với bài ca mới, để linh hồn chúng con được cứu chuộc và giải thoát. Chúc tụng Chúa, lạy Chúa là Đấng cứu chuộc Israel!”

[ngả người, uống rượu].

6. RAHAS (rửa tay)

[rửa tay và đọc lời chúc lúc rửa tay]

“Chúc tụng Chúa, lạy Chúa là Thiên Chúa chúng con, Vua vũ trụ, Chúa đã thánh hoá chúng con bằng các giới răn của Chúa và truyền cho chúng con rửa tay!”

7. MOSSI MASSA (lời chúc trên bánh)

[chủ tiệc bẻ ổ bánh trên cùng và đọc lời chúc tụng:]

“Chúc tụng Chúa, lạy Chúa là Thiên Chúa chúng con, Vua vũ trụ, Chúa đã làm ra bánh từ đất đai!”

[sau đó, ông lặp lại lời chúc tụng trên nửa ổ bánh thứ hai:]

“Chúc tụng Chúa, lạy Chúa là Thiên Chúa chúng con, Vua vũ trụ, Chúa đã thánh hoá chúng con bằng các điều răn của Chúa và truyền cho chúng con ăn bánh không men!”

[chủ tiệc chia bánh cho từng người, mỗi loại một miếng và cùng ăn].

8. MAROR (rau đắng)

[chủ tiệc lấy ít rau đắng chấm nước xốt và đọc lời chúc:]

“Chúc tụng Chúa, lạy Chúa là Thiên Chúa chúng con, Vua vũ trụ, Chúa đã thánh hoá chúng con bằng các điều răn của Chúa và truyền cho chúng con ăn rau đắng!”

9. KOREK (gói)

[gói miếng rau đắng giữa hai miếng bánh không men thứ ba và nói:]

“Để tưởng nhớ đền thờ, theo phong tục Hillel! Hillel đã làm như vậy khi đền thờ còn tồn tại: ông gói bánh không men với rau đắng rồi ăn, để ứng nghiệm lời đã phán: ‘chúng sẽ ăn với bánh không men và rau đắng’ (Ds 9,11; cf. Xh 12,8)”.

[chủ tiệc ăn và phân phát cho mọi người].

10. SULHAN ‘OREK (tiệc)

[ăn uống tùy ý, gồm trứng, đùi cừu... Lúc này đây bữa tiệc thân mật diễn ra][9].

11. SAFUN (giấu)

[ăn nửa miếng bánh đã giấu trước gọi là *epiqomon*, mỗi người ăn một miếng, không nhỏ hơn quả ôliu, phải ăn trước nửa đêm. Ăn miếng này để tưởng nhớ chiên vượt qua, sau khi đã ăn đầy đủ. Khi còn đèn thờ, người ta ăn thịt chiên vào cuối bữa, như món tráng miệng; khi không còn đèn thờ nữa, người ta ăn miếng *epiqomon* này để thay thế việc ăn thịt chiên].

PHẦN THỨ BA: LỜI CHÚC TỤNG SAU BỮA TIỆC

[Phần này bao gồm: * lời nguyện (*birkat hammazon*-chúc tụng vì của ăn vừa dùng) trên chén thứ ba (chén chúc tụng)]

12. BAREK (chúc tụng)

[sau khi ăn *epiqomon*, rót chén thứ ba, đọc lời nguyện *Birkat hammazon*. Nếu có ít nhất ba người đàn ông lớn tuổi cùng ăn, họ phải đọc lời mời hay lời đối thoại].

12.1 *Birkat hazzimmun* hay đối thoại với thực khách

[Chủ tiệc hoặc người được uỷ quyền, mời gọi thực khách cùng dâng lời chúc tụng bằng một số câu đối đáp].

12.2 *Birkat hammazon* hay chúc tụng sau bữa ăn

* “Chúc tụng Chúa, lạy Chúa là Thiên Chúa chúng con, Vua vũ trụ, đã nuôi dưỡng toàn thể thế giới bằng lòng nhân từ, ân sủng, lòng thành tín và lòng thương xót của Chúa; Chúa đã ban bánh cho mọi xác phàm, vì lòng thành tín của Chúa tồn tại muôn đời; và trong lòng nhân từ vô biên và vĩnh cửu của Chúa, chúng con chẳng thiếu thốn và sẽ chẳng thiếu thốn của ăn đến muôn đời, nhờ Danh cao cả của Chúa; vì chính Chúa là Đấng nuôi dưỡng và ban phúc lành cho mọi loài và cung cấp thực phẩm cho mọi thụ tạo mà Chúa đã dựng nên. Chúc tụng Chúa, Đấng nuôi dưỡng muôn loài!

** Lạy Chúa là Thiên Chúa chúng con, chúng con xưng tụng Chúa, vì Chúa đã ban cho tổ tiên chúng con miền đất màu mỡ, tốt tươi và rộng rãi làm cơ nghiệp, và Chúa đã đưa chúng con ra khỏi Ai Cập, lạy Chúa là Thiên Chúa chúng con, và giải thoát chúng con khỏi nhà nô lệ; và vì giao ước Chúa đã ghi khắc trong xác thịt chúng con, vì lề luật Chúa đã dạy dỗ chúng con, vì các thánh chỉ Chúa đã cho chúng con biết, vì lòng nhân từ, ân sủng và lòng thành tín Chúa đã ban cho chúng con, và vì chúng con đã được ăn lương thực Chúa nuôi dưỡng và ban cho chúng con liên tục, mỗi ngày, mọi lúc và mọi giờ. Lạy Chúa là Thiên Chúa chúng con, trong mọi sự, chúng con tuyên xưng và chúc tụng Chúa: nguyện Danh Chúa được chúc tụng nơi miệng lưỡi mọi xác phàm đến muôn đời, như đã chép rằng: ‘Các người sẽ được ăn no nê và sẽ chúc tụng Chúa, Thiên Chúa các người, vì miền đất tốt tươi mà Người đã ban cho các người’ (*Dnl* 8,10). Lạy Chúa, Chúa đáng chúc tụng vì đất đai và lương thực!

*** Vì vậy, lạy Chúa là Thiên Chúa chúng con, xin thương xót dân Chúa là Israel, thành đô Chúa là Giêrusalem, và Sion là nơi vinh quang của Chúa, và vương quốc nhà Đavít, Đấng Messia của Chúa, và đền thờ vĩ đại và thánh thiện được kêu cầu nhờ Danh Chúa. Lạy Chúa là Cha chúng con, xin nuôi dưỡng, chăm sóc và nâng đỡ chúng con, và xin cho chúng con được thanh thoi: lạy Chúa là Thiên Chúa chúng con, xin mau giải thoát chúng con khỏi mọi đau khổ; và chúng con kêu cầu Chúa: xin đừng để chúng con phải vay công mướn nợ, mà chỉ cần đến bàn tay rộng mở, thánh thiện và bao la của Chúa, để chúng con không phải hổ ngươi bề mặt đến muôn đời. Lạy Chúa chúng con và Chúa của tổ tiên chúng con, xin cho ký ức của chúng con và của tổ tiên chúng con, ký ức về Giêrusalem, thành thánh của Chúa, ký ức về Đấng Messia, con vua Đavít, tôi tớ Chúa, ký ức của toàn dân Chúa, nhà Israel, được hiện diện, trỗi dậy, ngự đến, đón nhận, được cảm nhận, tìm kiếm và ghi nhớ trước nhan Chúa: vì ơn cứu độ, ân sủng, lòng thương xót của Chúa trong ngày lễ bánh không men này, xin hãy nhớ đến và thương xót chúng con... Xin Chúa xây dựng lại thành thánh Giêrusalem... Amen”.

12.3 chúc tụng vì Chúa nhân hậu, từ tâm và câu đáp “Chúa vẫn trọn tình thương”

“Chúc tụng Chúa, lạy Chúa là Thiên Chúa chúng con, Vua vũ trụ,

... nhân hậu và từ tâm với tất cả...

Chúa là Đấng nhân từ: xin ngự trị trên chúng con đến muôn đời!”

12.4 chúc tụng “Đấng tạo nên trái nho”

“Chúc tụng Chúa, lạy Chúa là Thiên Chúa chúng con, Vua vũ trụ,
Chúa đã tạo ra những trái nho!”

[ngã người uống chén thứ ba].

PHẦN THỨ TƯ: CÁC NGHI THỨC KẾT THÚC

[Phần này bao gồm: * rót chén thứ tư; * phần thứ hai kinh *Hallel*; * dâng lời chúc tụng trên chén thứ tư (chén *Hallel*)].

13. HALLEL (ngợi khen)

13.1 những vần thơ thịnh nộ

[theo thông lệ, người ta mở đầu phần kinh *Hallel* bằng việc đọc các vần thơ sau. Nhưng trước khi đọc, thường mở cửa]

“Xin Ngài đỡ con thịnh nộ lên chúng...” (Tv 79,6-7; 69,25; Ac 3,66).

13.2 phần thứ hai kinh *Hallel* (Tv 115-118.136)

[rót đầy ly thứ tư và kết thúc bằng kinh *Hallel*]

“Xin đừng là rạng rỡ chúng con, vâng lạy Chúa, xin đừng...” (Tv 115)

“Lòng tôi yêu mến Chúa, vì Chúa đã nghe tiếng tôi khẩn nài...” (Tv 116)

“Muôn nước hồi, nào ca ngợi Chúa...” (Tv 117)

“Hãy tạ ơn Chúa vì Chúa nhân từ...” (Tv 118)

“Hãy tạ ơn Chúa vì Chúa nhân từ,
muôn ngàn đời Chúa vẫn trọn tình thương” (Tv 136 = Đại *Hallel*)[10]

13.3 *Birkat hassir* hay ngợi khen bài ca

“Ước gì sinh linh mọi loài ngợi ca danh Chúa và linh hồn mọi thụ tạo tôn vinh, tán dương Ngài, lạy Chúa. Từ muôn đời, Ngài là Thiên Chúa và ngoài Ngài ra, chúng con không có vua chúa nào, không có vì cứu thế nào giải thoát, đáp lời cầu nguyện và nâng đỡ chúng con trong mọi lúc gian nan khốn khó...”

13.4 chúc tụng “Đấng tạo nên trái nho”

[đây là lời chúc tụng cuối cùng, đọc lên trên chén thứ tư]

“Chúc tụng Chúa, lạy Chúa là Thiên Chúa chúng con, Vua vũ trụ,
Đấng tạo nên trái nho!”

[ngã người uống chén thứ tư và đọc lời chúc cuối cùng].

“Chúc tụng Chúa, lạy Chúa là Thiên Chúa chúng con, Vua vũ trụ,
vì cây nho và trái nho...”

14. NIRSAH (vui nhận)

“Chúa vui nhận những việc bạn làm” (Gv 9,7).

“Lễ Vượt Qua đã kết thúc theo đúng nghi thức, các sắc lệnh và luật lệ. Như chúng ta đã được xem là xứng đáng cử hành lễ Vượt Qua, thì chúng ta cũng được coi là xứng đáng dâng hy tế Vượt Qua đích thực. Lạy Đấng ngự nơi đền thờ đáng kính nhất, xin hãy nâng đại hội này lên ‘ai có thể đếm được?’ (Ds 23,10). Xin hãy mang về những chồi non cây mà Ngài đã trồng ở Sion trong niềm hân hoan! Năm tới tại Giêrusalem!”

[nếu trong đất Israel, thì nói: “Tại Giêrusalem được tái thiết!]

Theo niên lịch Do Thái, tháng Nisan là tháng đầu năm, tháng mà tổ tiên thoát ách nô lệ Ai Cập và trở thành một quốc gia. Do đó, lễ Vượt Qua tưởng niệm tất cả những biến cố ấy và mời gọi con cái Israel cộng tác với ơn Chúa trong công trình cứu độ thế giới. Mùa xuân là mùa của chu

kỳ thiên nhiên, thoát khỏi cảnh u buồn của mùa đông, vạn vật được đổi mới, trở nên xinh tươi; đồng thời cũng là mùa của tự do, vắng tiếng người yêu nói với bạn tình: “Dậy đi em, bạn tình của anh, người đẹp của anh, hay ra đây nào! Tiết đông giá lạnh đã qua, mùa mưa đã dứt, đã xa lắm rồi” (Dc 2,10-11)[11].

LỄ VƯỢT QUA TRONG TƯƠNG QUAN VỚI BÍ TÍCH THÁNH THỂ

	BỐI CẢNH	LÝ DO	SÁT TẾ	TIỀN DÂNG	HY TẾ
PESACH	Xuất hành	Tự do	Chiên	Bánh không men	Hiệp thông
T. THỂ	Xuất hành mới	Tự do hoàn toàn	Chúa Giêsu: Chiên Vượt Qua	Chúa Kitô: Bánh Không Men	Hiệp thông

»

TRONG Ý NGHĨA «vượt qua»	DỊP	NGÀY THÁNG	CẤU TRÚC LỄ	TƯỚNG NHỚ
<i>Pesach</i> : vượt/đi/băng qua	Hành hương lên đền	14 Nisan	<i>Seder</i> «Haggadah»	Tưởng nhớ sự kiện xuất Ai Cập
<i>Vượt qua</i> thế gian về với Chúa Cha (cf. Ga 13,1)	Hành hương lên đền	Chính thời điểm đó hoặc trong bối cảnh lễ Vượt Qua	<i>Seder</i> «Haggadah»	Trong sự tưởng nhớ Chúa Giêsu

»

LIÊN KẾT	ARCHÈ/khởi đầu	CHỦ LỄ	LỄ VẬT	BÀN TIỆC
Giao ước Sinai	Tháng đứng đầu các tháng, tháng thứ nhất trong năm (cf. Xh 12,2)	- tại Đền thờ: các tư tế - tại các gia đình: chủ nhà	Máu tế vật	Hiệp thông giữa những người tham dự
Giao ước trong máu Chúa Kitô	Ngày thứ nhất trong tuần lễ Bánh không men (Mt 26,17//)	Chúa Giêsu: Thượng tế/Vua theo phẩm hàm Melkisêdê	Bánh Rượu	Hiệp thông với vận mệnh của Chúa Giêsu

»

LIÊN KẾT	TRONG Ý NGHĨA	LIÊN KẾT	TRONG Ý NGHĨA
SHAVUOT	Hồng ân Torah	SUKKOT	Nước[12]
THÊM SỨC	Trong Chúa Thánh Thần	THÁNH TÂY	Trong nước và trong máu (cf. Ga 19,34; 1 Ga 5,6-8)

3. Nội dung và ý nghĩa

Nội dung và ý nghĩa thần học của việc cử hành lễ Vượt Qua cùng với tất cả các yếu tố nghi lễ sẽ giúp hiểu rõ hơn nội dung và ý nghĩa của lễ Phục Sinh Kitô giáo, tức là Bí tích Thánh Thể. Thực vậy, lễ Vượt Qua, trước hết và trên hết, là một *mầu nhiệm* liên quan đến toàn thể dân tộc Do Thái. Tất cả các thành viên trong gia đình đều được yêu cầu tham dự, nên nó mang tính chất cộng đồng. Bản chất cộng đồng này thể hiện dưới ba hình thức cử hành xuyên suốt lịch sử. Xh 12 là bản văn trung tâm liên quan đến việc cử hành lễ Vượt Qua: “Hãy nói với toàn thể cộng đồng” (c. 3); “toàn thể đại hội cộng đồng Israel đem sát tế” (c. 6); “Toàn thể cộng đồng Israel sẽ mừng lễ Vượt Qua” (c. 47). Đối với lễ Bánh không men, ban đầu được cử hành riêng: “Trong bảy ngày, các ngươi phải ăn Bánh không men” (c. 15). Chỉ những thành viên của dân Chúa mới được

cử hành lễ Vượt Qua. Đây là đặc quyền riêng của con cái Israel. Chỉ họ mới được ăn thịt chiên Vượt Qua và hưởng sự bảo vệ của máu chiên. Dân ngoại không được ăn (c. 43). Để cử hành lễ Vượt Qua, ngoại kiều phải chịu cắt bì (c. 48). Tuy nhiên, mọi người nam đã cắt bì đều có bốn phần cử hành lễ Vượt Qua, nếu không sẽ bị khai trừ khỏi cộng đồng (Ds 9,13). Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện nghĩa vụ này, một lễ Vượt Qua bổ sung đã được thiết lập, sẽ cử hành vào ngày mười bốn, tháng thứ hai (c. 11).

Do đó, phụng vụ lễ Vượt Qua là toàn thể cộng đồng Israel, một dân tộc được hình thành bởi những người đã được cứu chuộc nhờ bàn tay uy quyền Thiên Chúa, biến họ thành dân tộc thánh thiện. Đây không phải là từng cá nhân, mà là toàn thể cộng đồng thần quyền cử hành phụng vụ giải phóng khỏi ách nô lệ Ai Cập, với tư cách là dân tuyển chọn, cùng một tiếng nói và cùng một tấm lòng.

Thứ đến, lễ Vượt Qua là một việc *tưởng niệm*: “Các ngươi phải lấy ngày đó làm ngày tưởng niệm, ngày đại lễ mừng Đức Chúa” (Xh 12,14). Toàn bộ nghi lễ và các yếu tố đều diễn tả khía cạnh này, như bánh không men, chiên, rau đắng, giò ban đêm... Đây là lễ tưởng niệm những “kỳ công” (Tv 111,4) mà Thiên Chúa đã làm cho dân Do Thái và trên hết là ơn giải thoát/giải phóng, tóm tắt mọi ơn mà Thiên Chúa đã thực hiện. Nhưng lễ Vượt Qua không đơn thuần là giải thoát người Do Thái bị giam cầm ở Ai Cập và khơi dậy ký ức của họ, mà còn nhằm đổi mới, hiện thực hoá và chia sẻ sự kiện này cho con cháu. Về bản chất, ơn cứu độ không chỉ được truyền dạy một cách cụ thể như một sự kiện thuộc về quá khứ, mà còn được hiện thực hoá như một sự kiện mà tất cả các thực khách đều tham dự. Mỗi người đều được tiếp xúc với sự kiện cứu độ mà chính họ là người trong cuộc. Đó chính là ý nghĩa đích thực của *haggadah*-tường thuật. Để giới thiệu bài ca *Hallel*, bản văn trong phần nghi thức đã diễn tả mỗi thế hệ, mỗi người có bốn phần phải coi như thể chính mình đã thoát ra khỏi Ai Cập:

Vì vậy, chúng ta có bốn phần phải tạ ơn, ngợi khen, cử hành, tôn vinh, tán dương, chúc tụng Đấng đã thực hiện tất cả những điều kỳ diệu này cho tổ tiên chúng ta và cho chúng ta: Ngài đã đưa chúng ta từ cảnh nô lệ đến tự do, từ cảnh bị áp bức đến ơn cứu độ, từ đau khổ đến niềm vui, từ tang tóc đến lễ hội, từ bóng tối đến ánh sáng huy hoàng. Vậy chúng ta hãy tung hô Ngài: Alleluia[13].

Do đó, cần phải nhai kỹ rau đắng để tưởng nhớ và nhờ việc tưởng nhớ, tham dự nỗi thống khổ của tổ tiên trước khi tham dự vào sự giải thoát của các ngài. Vì thế, nghi lễ được quy định như sau: “Trong ngày ấy, người sẽ kể lại cho con của người rằng: Sở dĩ như vậy là vì những gì Đức Chúa đã làm cho cha khi cha ra khỏi Ai Cập. Người sẽ coi đó như là dấu ở tay người, là kỷ vật đeo trên trán” (Xh 13,8-9). “Đức Chúa đã làm cho cha” với tư cách là một thành viên của dân tộc mà Đức Chúa đã giải thoát. Như thế, sự kiện này mang tính thời sự của ngày hôm nay, mang ký ức về sự giải thoát, nền tảng của phụng vụ Vượt Qua, trở thành sự tham dự hiện tại đối với những người đang cử hành.

Ý nghĩa phong phú của việc tưởng nhớ này được trình bày trong sách *Targum Xh 12,42* với bốn ý nghĩa: Israel thoát khỏi ách nô lệ, thế giới thoát khỏi sự hỗn mang, Isaac được cứu thoát và nhân loại thoát khỏi cảnh khốn khó nhờ Đấng Messia. Đây là một thánh thi bằng tiếng Aram rất phổ biến thời Chúa Giêsu[14].

Đây là đêm canh thức dành cho Đức Chúa, để đưa dân Israel ra khỏi Ai Cập. Đây sẽ là một đêm canh thức để tôn vinh Đức Chúa của tất cả con cái Israel, từ thế hệ này sang thế hệ khác. Đêm đã được ấn định và chuẩn bị cho việc cứu độ nhân danh Đức Chúa, vào lúc con cái Israel được giải thoát, được cứu thoát khỏi đất Ai Cập. Như vậy, bốn đêm tăm tối được ghi nhận trong sách kỷ niệm.

Đêm thứ nhất là đêm Chúa tỏ mình ra cho thế giới để dựng nên nó: thế giới còn hoang mang trống rỗng và bóng tối bao trùm khắp bề vực thẳm, nhưng Lời của Thiên Chúa là ánh sáng và đã chiếu toả. Và Người gọi đó là đêm thứ nhất[15].

Đêm thứ hai là đêm Chúa tỏ mình ra cho Abraham ở tuổi một trăm, trong khi bà Sara vợ ông chín mươi tuổi, để những gì Thánh Kinh nói sẽ được ứng nghiệm: “Chắc chắn Abraham sẽ thọ một trăm và Sara sẽ sinh con ở tuổi chín mươi”[16]. Isaac được dâng trên bàn thờ lúc ba mươi bảy tuổi. Các

tầng trời sa xuống và Isaac chiêm ngưỡng về những sự hoàn hảo, cặp mắt cậu chói chang về sự hoàn hảo của chúng. Và Người gọi đó là đêm thứ hai[17].

Đêm thứ ba là đêm Chúa tỏ mình chống lại người Ai Cập vào lúc đêm khuya: tay Người giết chết các con đầu lòng Ai Cập và tay hữu Người lại bảo vệ các con đầu lòng Israel, để ứng nghiệm lời Thánh Kinh: “Israel là con đầu lòng của ta”[18]. Và Người gọi đó là đêm thứ ba[19].

Đêm thứ tư là đêm thế giới đến thời cánh chung để được cứu độ. Các song sắt sẽ bị bẻ gãy và các thế hệ gian ác sẽ bị tiêu diệt. Môsê sẽ đi lên từ sa mạc và vua Messia sẽ xuất hiện từ trên cao: một người dẫn đầu đàn chiên bên này, một người dẫn đầu đàn chiên bên kia và Lời của Thiên Chúa ở giữa và cùng họ tiến bước[20].

Đó là đêm Vượt Qua nhân danh Đức Chúa, đêm được thiết lập và chuẩn bị cho toàn thể dân Israel qua mọi thế hệ để được ơn cứu độ[21].

Những trình thuật kể lại hành trình từ cảnh nô lệ đến bến bờ tự do khơi dậy lòng biết ơn sâu xa và tâm tình ngợi ca chúc tụng của dân Do Thái với Thiên Chúa trong bối cảnh của lễ Vượt Qua dẫn tới việc nâng bốn chén[22] chúc tụng và hát kinh *Hallel*[23].

Lễ Vượt Qua là lễ tế hằng năm tưởng nhớ việc Đức Chúa giải thoát Israel ra khỏi Ai Cập. Ý nghĩa của cuộc xuất hành không chỉ có ý nghĩa đối với Israel, mà còn đối với toàn thể nhân loại; đó là cao điểm của lịch sử cứu độ, trong đó lần đầu tiên Đức Chúa can thiệp vào cuộc đời nhân loại với tư cách là “Đấng Cứu Độ”, thực hiện những lời đã hứa với tổ phụ Abraham. Cuộc xuất hành ra khỏi đất Ai Cập không chỉ là khoảnh khắc khởi đầu vào cuối đêm huyền bí đó, mà còn bao hàm việc đi qua Biển Đỏ và những chặng đường khác nhau trong sa mạc, được đánh dấu bằng những can thiệp cụ thể của sự quan phòng kỳ diệu và cuối cùng là giao ước Sinai, thiết lập mối tương quan mới giữa Thiên Chúa và dân Israel, để trở thành dân của Thiên Chúa. Do đó, cuộc xuất hành là Tin Mừng của Cựu Ước, tin mừng về một Thiên Chúa đã và sẽ cứu độ dân Người[24].

Sau nữa, việc tưởng nhớ những hành động cứu độ của Chúa chắc chắn được thể hiện bằng việc *ca ngợi, tạ ơn và hân hoan*. Lễ Vượt Qua như sự tưởng nhớ cuộc xuất hành được cử hành trong những tâm tình này. Người ta bày tỏ lòng biết ơn vì ơn tự do là hồng ân cao quý cùng với các ơn huệ khác được trao ban cách dồi dào. Các bài ca Vượt Qua được đề cập đến diễn tả điều này, đặc biệt các Tv *Hallel* (Tv 115-118, được ám chỉ đến trong Mt 26,30) được đưa vào nghi lễ vào thế kỷ II tcn và được hát đầu tiên trong nghi thức sát tế chiên trong đền thờ và sau đó trong phụng vụ Vượt Qua. Do đó, lời ngợi khen, tạ ơn và niềm vui là ba đặc điểm của ngày lễ.

Tiếp đến, lễ Vượt Qua là một cử hành tưởng nhớ hành động *giải phóng* của Thiên Chúa, trung tâm của đời sống và phụng vụ Do Thái. Lễ Vượt Qua của cuộc xuất hành đánh dấu sự khởi đầu cho việc tính niên đại của họ, đồng thời đánh dấu sự khởi đầu của mỗi năm. Là trung tâm của đời sống phụng vụ, lễ Vượt Qua gắn liền với phép cắt bì, qua đó người ta gia nhập vào dân giao ước. Mối liên hệ giữa phép cắt bì và lễ Vượt Qua không chỉ nằm ở chỗ chỉ những người đã cắt bì mới được tham dự nghi lễ, mà còn nằm ở chỗ, theo thần học của các rabbi, nghi thức cắt bì được thiết lập vào dịp lễ Vượt Qua đầu tiên. Theo cách giải thích của các rabbi, người Do Thái ở Ai Cập không được cắt bì và do đó phải được cắt bì trước khi hành lễ. Do đó, máu của con chiên và máu của việc cắt bì đã hoà lẫn vào nhau tạo thành một máu huyết duy nhất, điều mà Đức Chúa hài lòng. Vào cuối thời Do Thái giáo, ngoài phép cắt bì còn có phép rửa, dành cho những người nhập đạo, được quy định, ám chỉ sự tham dự mang tính biểu tượng của những người nhập đạo vào lễ Vượt Qua băng qua Biển Sậy.

Tương tự như vậy, con chiên đực một tuổi, không tì vết, được dâng vào buổi sáng và buổi chiều trong đền thờ như một hy tế vĩnh cửu, theo các rabbi, nhằm mục đích liên tục nhắc nhở về lễ Vượt Qua, đến nỗi hy tế này được gọi cách chính xác là “lễ Vượt Qua hằng ngày”. Cũng không nên quên rằng trong Do Thái giáo, các buổi cầu nguyện buổi sáng và buổi chiều được tổ chức trùng với thời điểm hy tế nói trên được thực hiện trong đền thờ.

Theo Bộ luật Tư tế, ngày sabát cũng là ngày tưởng niệm việc sáng tạo, giao ước được thiết lập với con người và sự kiện giải phóng: “Người hãy nhớ người đã làm nô lệ tại đất Ai Cập, và Đức Chúa, Thiên Chúa của người, đã dang cánh tay mạnh mẽ uy quyền đưa người ra khỏi đó. Bởi vậy, Đức Chúa, Thiên Chúa của người đã truyền cho người cử hành ngày sabát” (Đnl 5,15).

Cuối cùng, lễ Vượt Qua là *lễ quan trọng nhất* trong niên lịch phụng vụ, không chỉ đánh dấu sự khởi đầu của năm mới, mà còn là sự đổi mới nội tâm; nó đòi hỏi một sự thanh tẩy triệt để nơi con người và vạn vật; nhắc nhở dân được chọn về địa vị của họ; đồng thời hướng đến tương lai và sự ứng nghiệm lời hứa cuối cùng. Như thế, lễ Vượt Qua mang ba chiều kích của thời gian: quá khứ, hiện tại và tương lai. Trong bữa tiệc Vượt Qua, khi chúc tụng chén rượu thứ hai, lời cầu nguyện mang ý nghĩa này:

Chúc tụng Chúa, lạy Chúa là Thiên Chúa chúng con, Chúa là Vua vũ trụ, đã giải thoát chúng con và tổ tiên chúng con ra khỏi Ai Cập và đưa chúng con đến đây tối nay để ăn bánh không men và rau đắng. Vì vậy, lạy Chúa, xin ban cho chúng con bình an để tham dự những ngày lễ sắp tới và được hân hoan vì thành đô Chúa được phục hồi và hạnh phúc trong việc thờ phượng Chúa. Tại đó, chúng con sẽ ăn hiến tế và chiến vượt qua được Chúa chấp nhận, máu của chúng sẽ được rảy trên tường bàn thờ Chúa để tôn vinh Chúa, và chúng con sẽ dâng Chúa bài ca mới để tôn vinh ơn cứu độ và ơn giải thoát chúng con: Chúc tụng Chúa, lạy Chúa là Đấng cứu chuộc Israel[25].

Trong bối cảnh lễ Vượt Qua, ký ức về những biến cố cứu độ vĩ đại trong quá khứ đã thấp lên mỗi năm niềm hy vọng soi sáng hiện tại và lan tỏa ánh sáng vào tương lai.

[1] Về cách tính thời gian và lịch của người Do Thái, cf. R. DE VAUX, *Le istituzioni dell'AT* (trad. it.), Marietti, Genova 1977³, 185-201; 452-457.

[2] Cf. C. MIGLIETTA, *L'Eucarestia secondo la Bibbia*, Gribaudi, Milano 2005², 53.

[3] Cf. H. HAAG, *Pasqua. Storia e teologia della festa di Pasqua*, Queriniana, Brescia 1976, 70-71.

[4] Danh từ *pesach* (Xh 12,11.21.27.43.48) qua tiếng Aram, trở thành tiếng Hy Lạp và Latinh là *pascha* mang ý nghĩa “vượt qua, vượt ra ngoài”, chỉ sự băng ngang qua của Đức Chúa.

[5] Cf. P.-É. BONNARD, *Pasqua*, in *DTB*, 856-857.

[6] Cf. F. MANNS, *Il giudaismo. Ambiente e memoria del NT*, EDB, Bologna 1995, 109-116.

[7] Bản văn chi tiết, cf. C. GIRAUDO, “*In unum corpus*”. *Trattato mistagogico sull'eucaristia*, San Paolo, Cinisello Balsamo (Milano) 2007², 107-136; A.S. TOAFF (ed.), *Haggadah di Pasqua*, Editrice Israel, Roma 1971³; L. CAMPOS – R. DI SEGNI (ed.), *Haggadah di Pesach*, Carucci Editore, Roma 1979²; F.D. BELGRADO (ed.), *Haggadah di Pesach*, La Giuntina, Firenze 1984.

[8] Cf. J. JEREMIAS, *Le parole dell'ultima cena* (or. ger.), Paideia, Brescia 1973, 100-101; O. CARENA, *Cena pasquale ebraica per comunità cristiane. Haggadah*, Marietti, Genova 1997⁴, 12-13; M. PESCE, *Dio senza mediatori. Una tradizione teologica dal Giudaismo al Cristianesimo*, Brescia 1979, 97-110.

[9] Liên quan đến việc Chúa Giêsu thiết lập Thánh Thể, các trình thuật liên quan đến chén thánh, đề cập gián tiếp điều này với phần ghi chú: “sau khi đã dùng bữa” (Lc 22,20; 1 Cr 11,25).

[10] Tiên tri Isaia cũng nhắc nhở phải hát bài ca này: “các người sẽ ca hát như trong đêm cử hành đại lễ” (Is 30,29). Lời nguyện tạ ơn long trọng này được hát vào cuối bữa tiệc Vượt Qua của người Do Thái và có lẽ cũng được Chúa Giêsu sử dụng trong bữa Tiệc Ly với các môn đệ: “Hát thánh vịnh xong, Đức Giêsu và các môn đệ ra núi Ôliu” (Mt 26,30; Mc 14,26). Toàn bộ Tv 136 được đặt dưới hình thức đối đáp hay hình thức kinh cầu, liệt kê những việc Chúa làm và được lặp lại bằng câu: “muôn ngàn đời Chúa vẫn trọn tình thương”, mang ý nghĩa: thành tín, nhân từ, tốt lành, ân sủng và dịu dàng. Đây là mô típ thống nhất của toàn thể Tv này, được lặp đi lặp lại, trong khi các biên cố được liệt kê liên tiếp nhau: sự sáng tạo, giải thoát, ban đất đai hoa màu, sự quan phòng trợ giúp...

[11] Cf. G. WAINWRIGHT, *Pasqua*, in *Dizionario del movimento ecumenico*, EDB, Bologna 1994, 840-841. Một điều khá thú vị: sách Dc được đọc vào lễ *Pesach*; sách R được đọc vào lễ *Shavuot* và Sách Et được đọc vào lễ *Purim*.

[12] Lễ *Sukkot* mô tả Đức Chúa đã “làm cho gió thổi và mưa rơi”. Sách *Mishnah* giải thích rằng mưa rơi trong suốt thời gian xảy ra ngày lễ. Trong Đền thờ, ngoài việc rưới rượu như thường lệ, các tư tế còn đổ nước lấy từ giếng Silôac lên trên bàn thờ; giếng này nằm dưới chân thành Giêrusalem (cf. Ga 7,1-7; c. 7 giải thích Silôac có nghĩa là người được sai phái). Chúa Giêsu đã chữa lành một người mù từ thuở mới sinh vào dịp lễ Lều). *Sukkot* là lễ được mong đợi vì niềm vui có nước, vì thế Isaia đã nói: “Các bạn sẽ vui mừng mức nước tận nguồn ơn cứu độ” (Is 12,3). Cf. C. ESTIN, *Feste e racconti ebraici* (trad. it.), ED, Roma 1996², 72-73.

[13] *Haggadah lễ Vượt Qua*, 5. *Maggid* (tường thuật).

[14] Cf. F. MANNS, *La preghiera d'Israele al tempo di Gesù* (trad. it.), EDB, Bologna 1996, 186-191.

[15] Chén thứ nhất (cf. Lc 22,14-18).

[16] *Targum St* 18,12.

[17] Chén thứ hai.

[18] *Xh* 4,22.

[19] Chén thứ ba (cf. *Lc* 22,19-20: cuộc xuất Ai Cập hoàn thành nơi cuộc xuất hành của Chúa Giêsu).

[20] Trong trình thuật biến hình trên núi, Môsê và Êlia mỗi người một bên, Chúa Giêsu (Messia/Lời của Thiên Chúa/Ngôi Lời) đứng ở giữa (cf. *Lc* 9,30-31).

[21] R. LE DEAUT, «La nuit pascal. Essai sur la signification de la Pâque juive à partir du Targum d'Exode XII 42», in *Analecta Biblica* 22 (1963) 64-65; cf. G. MAZZANTI, *I sacramenti simbolo e teologia*, 2. *Eucaristia, Battesimo e Confermazione*, 61; P. GRELOT, «Les Targoums», in *Cahiers Evangile* 54 (1985) 29.

[22] Tại sao lại dâng bốn chén? Vì trong *Xh* 6,6-7 có bốn từ ngữ được sử dụng để chỉ sự giải thoát khỏi cảnh nô lệ: “Ta sẽ đem các ngươi ra, Ta sẽ cứu các ngươi, Ta sẽ giải thoát các ngươi, Ta sẽ nhận các ngươi”. Câu tiếp theo “Ta sẽ đưa các ngươi vào miền đất” (c.8) ám chỉ sự giải thoát trong thời Messia và do đó, chén thứ năm được thêm vào, gọi là chén của Êlia. Cf. O. CARENA, *Cena pasquale ebraica per comunità cristiana*, Marietti, Genova 1997⁴, 15-16.

[23] Các Tv *Hallel*: Tv 113-118 (tiểu *Hallel*) và 136 (đại *Hallel*). Cf. F. MANNS, *La preghiera d'Israele al tempo di Gesù*, 166-167. Trong *Seder* lễ Vượt Qua, “Tv tiểu *Hallel*” được đọc vào chén thứ tư, biểu hiện rõ nét về ý nghĩa cánh chung của bữa tiệc *Pesach*. Có một sự liên kết chặt chẽ giữa thời điểm cử hành và nội dung của Thánh Vịnh, đặc biệt nơi phần cuối, bày tỏ sự mong chờ ơn cứu độ viên mãn, bộc lộ trong lịch sử, mang một cung điệu cánh chung rõ nét. Chính cấu trúc tuyệt vời của bài thơ, như một kinh nguyện tạ ơn, cho thấy sự phù hợp của việc dùng Tv này trong bối cảnh phụng vụ của ngày lễ. P.R. SCALABRINI, «Il Salmo 118. Un inno per il “séder” pasquale», in *Parole di vita* 6 (2005) 48.

[24] Cf. G. AUZOU, *Dalla servitù al servizio. Il libro dell'Esodo* (trad. it.), EDB, Bologna 2001⁴, 168-171.

[25] *Haggadah* lễ Vượt Qua, 5. *Maggid* (tường thuật).